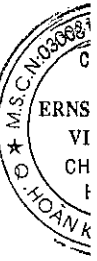


# Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



# Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 29

186  
NG  
'&  
TN  
NH  
À N  
EM

S  
A  
C  
P  
T  
N

# Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 28 tháng 3 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Công ty có trụ sở chính tại khu 8, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Công ty cũng có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trọng Hiền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban
Ông Phạm Hoàng Giang	Thành viên
Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2018

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Quyền.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2018

THỦY ĐIỆN THÁC BÀ  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
H. YÊN BÌNH - T. YÊN BÁI



Building a better  
working world

Ernst & Young Vietnam Limited      Tel: + 84 24 3831 5100  
8th Floor, CornerStone Building      Fax: + 84 24 3831 5090  
16 Phan Chu Trinh Street              ey.com  
Hoan Kiem District  
Hanoi, S.R. of Vietnam

Số tham chiếu: 61201381/20159773/LR

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty"), được lập ngày 8 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 4 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Hồ Đức Trường  
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0816-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>473.621.545.394</b>	<b>423.683.716.280</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>7.246.671.468</b>	<b>15.155.055.207</b>
111	1. Tiền		6.746.671.468	15.155.055.207
112	2. Các khoản tương đương tiền		500.000.000	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>394.577.281.448</b>	<b>323.577.281.448</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	394.577.281.448	323.577.281.448
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>67.060.290.197</b>	<b>58.759.275.036</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	49.235.102.058	50.683.766.667
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		473.696.109	338.210.874
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	18.063.219.569	8.449.025.034
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(711.727.539)	(711.727.539)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>4.560.569.359</b>	<b>4.397.682.691</b>
141	1. Hàng tồn kho		4.560.569.359	4.397.682.691
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>12</b>	<b>176.732.922</b>	<b>21.794.421.898</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		141.147.997	10.688.431.901
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		35.584.925	11.105.989.997
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>443.924.466.220</b>	<b>464.391.942.478</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>362.663.821.861</b>	<b>383.076.266.254</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	345.132.399.162	365.619.793.424
222	Nguyên giá		1.458.966.506.427	1.457.612.756.267
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.113.834.107.265)	(1.091.992.962.843)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	17.531.422.699	17.456.472.830
228	Nguyên giá		20.923.482.400	20.635.322.400
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.392.059.701)	(3.178.849.570)
<b>250</b>	<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>81.169.000.000</b>	<b>81.169.000.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.2	81.169.000.000	81.169.000.000
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>91.644.359</b>	<b>146.676.224</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		91.644.359	146.676.224
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>917.546.011.614</b>	<b>888.075.658.758</b>

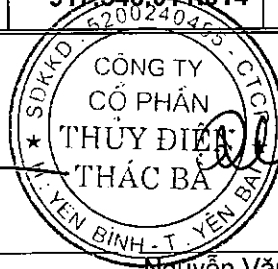
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>36.624.739.633</b>	<b>26.449.442.348</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>36.624.739.633</b>	<b>26.449.442.348</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	1.093.869.859	5.993.971.018
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.207.786.599	2.845.205.379
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	23.248.774.463	-
314	4. Phải trả người lao động		4.064.809.529	10.427.859.234
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		98.518.750	1.092.049.016
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	3.693.923.728	6.090.357.701
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14	2.217.056.705	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>880.921.271.981</b>	<b>861.626.216.410</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>880.921.271.981</b>	<b>861.626.216.410</b>
411	1. Vốn cổ phần		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		245.921.271.981	226.626.216.410
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		140.309.192.410	136.359.582.432
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		105.612.079.571	90.266.633.978
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>917.546.011.614</b>	<b>888.075.658.758</b>

AS

LM



Nguyễn Trung Hiếu  
Người lập

Lê Hồng Minh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám Đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2018

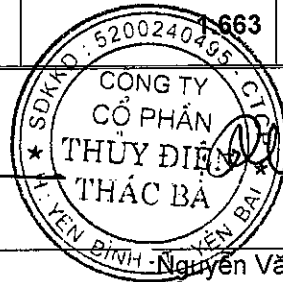
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	193.257.627.358	132.947.180.254
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	193.257.627.358	132.947.180.254
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	(63.096.311.594)	(53.025.160.893)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		130.161.315.764	79.922.019.361
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	14.845.082.840	13.412.662.411
22	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	(37.916.667) (37.916.667)
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(13.568.583.841)	(11.612.344.216)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		131.437.814.763	81.684.420.889
31	11. Thu nhập khác		71.273.450	3.181.815
32	12. Chi phí khác		-	(679.351)
40	13. Lợi nhuận khác		71.273.450	2.502.464
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		131.509.088.213	81.686.923.353
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(25.897.008.642)	(16.042.711.541)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		105.612.079.571	65.644.211.812
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	1.663	1.018
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24	1.663	1.018

AG

CA



Nguyễn Trung Hiếu  
Người lập

Lê Hồng Minh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám Đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2018



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>131.509.088.213</b>	<b>81.686.923.353</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	9,10	22.364.940.873	22.301.400.504
03	Các khoản dự phòng		-	(80.000.000)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	17.2	(14.845.082.840)	(13.412.662.411)
06	Chi phí lãi vay		-	37.916.667
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>139.028.946.246</b>	<b>90.533.578.113</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		1.217.694.072	(14.387.846.346)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(162.886.668)	58.733.724
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		9.546.143.834	(8.173.873.128)
12	Giảm chi phí trả trước		55.031.865	536.627.515
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(37.916.667)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	21.2	(5.000.000.000)	(11.790.255.250)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	54.745.452
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.080.025.093)	(2.374.981.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>143.604.904.256</b>	<b>54.418.812.413</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(3.539.434.682)	(798.653.196)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(100.000.000.000)	(29.159.547.200)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		29.000.000.000	94.212.372.807
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.326.373.607	7.012.465.828
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(69.213.061.075)</b>	<b>71.266.638.239</b>

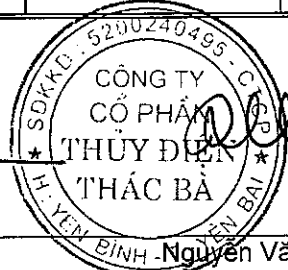
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		-	5.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		-	(5.000.000.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(82.300.226.920)	(82.362.174.900)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(82.300.226.920)	(82.362.174.900)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(7.908.383.739)	43.323.275.752
60	Tiền đầu kỳ		15.155.055.207	24.229.101.167
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	7.246.671.468	67.552.376.919

*AS*

*LA*



Nguyễn Trung Hiếu  
Người lập

Lê Hồng Minh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám Đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2018



#8/- 00 NH - 1/1

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 28 tháng 3 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty có trụ sở chính tại khu 8, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Công ty cũng có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 123 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 127).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính của Công ty**

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập ("chi nhánh") như được trình bày tại Thuyết minh số 1.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và chi nhánh. Báo cáo tài chính giữa niên độ của chi nhánh được lập cùng kỳ và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính giữa niên độ được thực hiện bằng cách cộng hợp các chỉ tiêu tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ của chi nhánh.

Các giao dịch và số dư về đầu tư vốn, cung cấp hàng hóa, thu hộ, chi hộ giữa chi nhánh và Văn phòng Công ty được căn trừ theo từng chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	9 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

**3.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.8 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012/HĐ-NMĐTĐB ngày 28 tháng 6 năm 2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03 ngày 14 tháng 1 năm 2015 ký giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

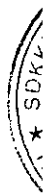
#### 3.13 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.14 Thông tin theo bộ phận**

Do đặc thù Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 95% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.15 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Tiền mặt	382.128.030	418.608.944
Tiền gửi ngân hàng	6.364.543.438	14.736.446.263
Khoản tương đương tiền (*)	500.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.246.671.468</u></b>	<b><u>15.155.055.207</u></b>

(\*) Đây là khoản tiền gửi bằng VND tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Phòng giao dịch Thác Bà có kỳ hạn 1 tháng và hưởng lãi suất là 4,1%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN**

**5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	<b>394.577.281.448</b>	<b>394.577.281.448</b>	<b>323.577.281.448</b>	<b>323.577.281.448</b>

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng và hưởng lãi suất là 6,3%/năm (đối với các khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng) và từ 7,0%/năm đến 7,3%/năm (đối với các khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng).

**5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị VND	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (i)	3.000.000	32.619.000.000	3.000.000	32.619.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An (ii)	200.000	48.550.000.000	200.000	48.550.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.200.000</b>	<b>81.169.000.000</b>	<b>3.200.000</b>	<b>81.169.000.000</b>

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCoM với mức giá giao dịch bình quân trong 5 ngày cuối tháng 6 năm 2018 trong khoảng từ 9.800 VND đến 10.660 VND/cổ phiếu.

(ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể thu thập được các thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại công ty này do cổ phiếu này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu từ khách hàng	7.735.675.044	6.755.619.681
- Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Thí nghiệm điện	3.226.275.807	3.226.275.807
- Công ty TNHH Xây Dựng Hưng Hải	2.819.715.223	3.019.715.223
- Các công ty khác	1.689.684.014	509.628.651
Phải thu của khách hàng là bên liên quan (Thuyết minh số 22)	41.499.427.014	43.928.146.986
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>49.235.102.058</b>	<b>50.683.766.667</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(711.727.539)	(711.727.539)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Phải thu lãi tiền gửi	16.220.884.488	6.252.175.255
Tạm ứng cho nhân viên	437.319.557	10.000.000
Phải thu khác	1.405.015.524	2.186.849.779
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.063.219.569</b>	<b>8.449.025.034</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	4.255.246.312	-	4.118.293.085	-
Công cụ, dụng cụ	305.323.047	-	279.389.606	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.560.569.359</b>	<b>-</b>	<b>4.397.682.691</b>	<b>-</b>

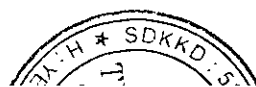


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	649.743.636.449	783.313.885.031	19.040.218.935	5.397.561.307	117.454.545	1.457.612.756.267
- Mua trong kỳ	358.387.500	1.508.867.182	-	-	-	1.867.254.682
- Thanh lý trong kỳ	(143.147.520)	-	-	(370.357.002)	-	(513.504.522)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	649.958.876.429	784.822.752.213	19.040.218.935	5.027.204.305	117.454.545	1.458.966.506.427
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	3.641.680.063	430.220.858.420	10.009.538.102	4.497.126.883	-	448.369.203.468
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	453.159.561.494	619.961.823.597	13.852.925.268	4.951.995.843	66.656.641	1.091.992.962.843
- Khấu hao trong kỳ	10.819.275.126	11.018.705.424	451.534.038	59.261.628	5.872.728	22.354.648.944
- Thanh lý trong kỳ	(143.147.520)	-	-	(370.357.002)	-	(513.504.522)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	463.835.689.100	630.980.529.021	14.304.459.306	4.640.900.469	72.529.369	1.113.834.107.265
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	196.584.074.955	163.352.061.434	5.187.293.667	445.565.464	50.797.904	365.619.793.424
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	186.123.187.329	153.842.223.192	4.735.759.629	386.303.836	44.925.176	345.132.399.162



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	20.558.322.400	77.000.000	20.635.322.400
- Mua trong kỳ	-	288.160.000	288.160.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>20.558.322.400</u>	<u>365.160.000</u>	<u>20.923.482.400</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	3.104.828.730	74.020.840	3.178.849.570
- Hao mòn trong kỳ	205.583.226	7.626.905	213.210.131
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>3.310.411.956</u>	<u>81.647.745</u>	<u>3.392.059.701</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>17.453.493.670</u>	<u>2.979.160</u>	<u>17.456.472.830</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>17.247.910.444</u>	<u>283.512.255</u>	<u>17.531.422.699</u>

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả cho người bán ngắn hạn	1.093.869.859	1.093.869.859	5.928.065.333	5.928.065.333
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Toàn Việt	-	-	2.967.764.868	2.967.764.868
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Tự động hóa Năng lượng	-	-	1.384.020.000	1.384.020.000
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	1.093.869.859	1.093.869.859	1.576.280.465	1.576.280.465
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	-	-	65.905.685	65.905.685
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>1.093.869.859</u>	<u>1.093.869.859</u>	<u>5.993.971.018</u>	<u>5.993.971.018</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 21.2)	(537.852.579)	25.897.008.642	(5.000.000.000)	20.359.156.063
Thuế tài nguyên	(9.687.131.216)	19.698.800.499	(7.122.050.883)	2.889.618.400
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	2.412.748.000	(2.412.748.000)	-
Thuế giá trị gia tăng	(10.688.431.901)	18.546.054.605	(7.998.770.701)	(141.147.997)
Thuế thu nhập cá nhân	(881.006.202)	1.055.421.277	(210.000.000)	(35.584.925)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(21.794.421.898)</b>	<b>67.610.033.023</b>	<b>(22.743.569.584)</b>	<b>23.072.041.541</b>
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải nộp	-			23.248.774.463
Thuế phải thu	(21.794.421.898)			(176.732.922)

**13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Cổ tức phải trả	166.224.715	151.962.690
Phí môi trường rừng	2.921.907.292	3.231.530.368
Chi phí thuê giảng viên và vận chuyển thiết bị	-	1.205.000.000
Chi phí ủng hộ xây dựng trường Tiểu học và THCS xã Cẩm Nhân	513.251.952	1.000.000.000
Khác	92.539.769	501.864.643
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.693.923.728</b>	<b>6.090.357.701</b>

**14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

*Đơn vị tính: VND*

	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Số đầu kỳ	-	729.443.634
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ (Thuyết minh số 15.1)	3.500.000.000	3.000.000.000
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ	(1.282.943.295)	(2.374.981.000)
Số cuối kỳ	<u>2.217.056.705</u>	<u>1.354.462.634</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**15.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	635.000.000.000	203.178.886.045	838.178.886.045
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	65.644.211.812	65.644.211.812
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ( <i>Thuyết minh số 14</i> )	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
- Cổ tức công bố	-	(63.500.000.000)	(63.500.000.000)
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	-	(267.024.000)	(267.024.000)
- Giảm khác	-	(52.279.613)	(52.279.613)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>635.000.000.000</u>	<u>202.003.794.244</u>	<u>837.003.794.244</u>
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	635.000.000.000	226.626.216.410	861.626.216.410
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	105.612.079.571	105.612.079.571
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ( <i>Thuyết minh số 14</i> )	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
- Cổ tức công bố	-	(82.550.000.000)	(82.550.000.000)
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	-	(267.024.000)	(267.024.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>635.000.000.000</u>	<u>245.921.271.981</u>	<u>880.921.271.981</u>

Việc trích lập các quỹ, chia cổ tức và trích thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 được thực hiện theo Nghị quyết số 438/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty.

**15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>		
	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>
Vốn góp cổ đông	63.500.000	63.500.000	-	63.500.000	63.500.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>63.500.000</u>	<u>63.500.000</u>	<u>-</u>	<u>63.500.000</u>	<u>63.500.000</u>	<u>-</u>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000 (30 tháng 6 năm 2018: VND 10.000).

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<b>Cổ đông</b>	<i>Vốn điều lệ đã góp (VND)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (công ty mẹ)	383.651.680.000	60,42%
Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Phát điện 3	190.500.000.000	30,00%
Các cổ đông khác	60.848.320.000	9,58%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>635.000.000.000</u>	<u>100%</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**15.3 Cổ tức**

Đơn vị tính: VND

<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
--	--

**Cổ tức đã công bố trong kỳ**

*Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông*

Cổ tức cho năm 2017 (đợt 2): VND

1.300/cổ phiếu

82.550.000.000

-

Cổ tức cho năm 2016 (đợt 2): VND

1.000/cổ phiếu

- 63.500.000.000

**Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế  
toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào  
ngày kết thúc kỳ tài chính**

*Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông*

- 76.200.000.000

**15.4 Cổ phiếu**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>VND</i>	<i>Số lượng</i>	<i>VND</i>
<b>Cổ phiếu đã được duyet</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam (2017: 10.000 đồng Việt Nam).

**16. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	363	363

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. DOANH THU**

**17.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>193.257.627.358</b>	<b>132.947.180.254</b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán điện</i>	185.688.345.969	126.837.949.375
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	7.569.281.389	6.109.230.879
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>193.257.627.358</b>	<b>132.947.180.254</b>

**17.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.795.082.840	11.912.662.411
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.050.000.000	1.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.845.082.840</b>	<b>13.412.662.411</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Giá vốn của hoạt động bán điện	61.224.713.728	50.411.520.984
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	1.871.597.866	2.613.639.909
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>63.096.311.594</b>	<b>53.025.160.893</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí nhân công	5.724.600.832	5.870.531.456
Chi phí khấu hao và hao mòn	939.936.987	1.081.970.241
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.904.046.022	4.659.842.519
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.568.583.841</u></b>	<b><u>11.612.344.216</u></b>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.185.421.340	1.826.805.307
Chi phí nhân công	15.924.210.967	16.553.589.217
Chi phí khấu hao và hao mòn	22.364.940.873	22.301.400.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.333.591.560	1.831.758.843
Chi phí khác	33.856.730.695	22.123.951.238
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>76.664.895.435</u></b>	<b><u>64.637.505.109</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**21.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u><b>25.897.008.642</b></u>	<u><b>16.042.711.541</b></u>

**21.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>131.509.088.213</b>	<b>81.686.923.353</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	25.955.000	26.634.351
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	<u>(2.050.000.000)</u>	<u>(1.500.000.000)</u>
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<u><b>129.485.043.213</b></u>	<u><b>80.213.557.704</b></u>
<b>Thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>25.897.008.642</b>	<b>16.042.711.541</b>
Thuế TNDN (trả trước)/phải trả đầu kỳ	(537.852.579)	2.236.283.159
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	<u>(5.000.000.000)</u>	<u>(11.790.255.250)</u>
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<u><b>20.359.156.063</b></u>	<u><b>6.488.739.450</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	185.688.345.969	126.837.949.375
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức	49.874.718.400	32.400.188.000
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Phát điện 3	Cổ đông lớn	Chi trả cổ tức	24.765.000.000	38.100.000.000

Các nghiệp vụ bán hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: không trích lập). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ kế toán thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh số 6)</b>				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	41.499.427.014	43.928.146.986
			<b>41.499.427.014</b>	<b>43.928.146.986</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)</b>				
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải trả tiền điện đầu vào	-	65.905.685
			-	<b>65.905.685</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Lương và thưởng	1.191.969.287	847.701.723
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.191.969.287</u></b>	<b><u>847.701.723</u></b>

**23. CÁC CAM KẾT**

*Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị khoảng 1,7 tỷ VND chủ yếu liên quan đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm các máy móc, thiết bị mới phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty.

**24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	105.612.079.571	65.644.211.812
Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập trong kỳ	-	(989.849.227)
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*)</b>	<b><u>105.612.079.571</u></b>	<b><u>64.654.362.585</u></b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>63.500.000</u>	<u>63.500.000</u>
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>63.500.000</u></b>	<b><u>63.500.000</u></b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- Lãi cơ bản	1.663	1.018
- Lãi suy giảm	1.663	1.018

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2017. Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

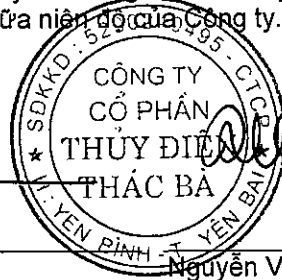
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Trung Hiếu  
Người lập



Lê Hồng Minh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám Đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2018

